|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN** |  |
| BỘ MÔN: LỊCH SỬ KHỐI LỚP: 12TUẦN: 5 /HK1 (từ 4 / 10 đến 9 / 10 /2021)Tiết 1 |  |
| **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC** |

**BÀI 7**

**TÂY ÂU**

**A. Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

**I. Kinh tế khoa học kĩ thuật**

**1. Kinh tế khoa học kĩ thuật Tây Âu từ 1945-1973**

Đọc sách giáo khoa mục I,II, bài 7, trang 46-47- 48

**2.. Kinh tế khoa học kĩ thuật Tây Âu từ 1973-2000**

Đọc sách giáo khoa mục III, IV bài 7, trang 49-50

**II. Chính trị - xã hội** ( Nội dung giảm tải, học sinh tự học)

**III. Chính sách đối ngoại**

Đọc sách giáo khoa mục I, II, III, IV bài 7, trang 47-48- 49- 50

**IV.Liên minh châu Âu (EU)**

Đọc sách giáo khoa mục V bài 7, trang 50- 51- 52

**B. Kiến thức cần ghi nhớ:**

**I. Kinh tế, khoa học kĩ thuật**

**1. Kinh tế, khoa học kĩ thuật 1945-1973**

**\* Kinh tế**

* Nhờ viện trợ Mĩ với kế hoạch Macsan đến 1950 kinh tế các nước Tây Âu phục hồi.
* Từ 1950 đến đầu những năm 70, kinh tế Tây Âu ổn định và phát triển nhanh. Tây Âu trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

**\* Khoa học kĩ thuật**

* Các nước Tây Âu có trình độ khoa học – kĩ thuật phát triển cao.

**\* Nguyên nhân phát triển**

* Đã áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.
* Vai trò của nhà nước trong việc quản lí, điều tiết nền kinh tế.
* Đã tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài như: viện trợ của Mĩ, sự hợp tác có hiệu quả trong Cộng đồng châu Âu.
* Do tác động của cuộc khủng hoảng dầu mỏ, từ năm 1973 đến đầu tập kỉ 90, kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng không ổn định suy thoái kéo dài. Từ năm 1994, nền kinh tế bắt đầu phục hồi và phát triển.

**2. Từ 1973-2000**

**a. 1973-1991**

* Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng kinh tế TÂy Âu suy thoái
* Tây Âu gặp phải sự canh tranh khốc liệt của Mĩ và Nhât Bản

**b. 1991-2000**

* 1994 kinh tế Tây Âu phục hồi và phát triển.
* Tây Âu vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế -tài chính lớn nhất thế giới
* Giữa thập niên 90, GDP 15 nước thành viên EU đạt 7000 tỉ USD, chiếm 1/3 sản phẩm công nghiệp thế giới.

***II. Chính trị - xã hội*** *( Nội dung giảm tải, học sinh tự học )*

**III. Chính sách đối ngoại**

**1. Trong chiến tranh lạnh**

* Nét nổi bật trong chính sách đối ngọai của Tây Âu là liên minh chặt chẽ với Mĩ:
* Bên cạnh việc liên minh với Mĩ, một số nước đa dạng hoá, đa phương hoá họat động đối ngọai để khẳng định ý thức độc lập của mình (Pháp, Thuỵ Điển, Phần Lan..)
* Tháng 8.1975, 33 nước châu Âu cùng Mĩ ,Canada kí kết định ước henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu tạo nên cơ chế giải quyết các xung đột ở châu Âu. Tình hình căng thẳng ở châu Âu giảm rõ rệt.
* Cuối thập niên 80 bức tường Béclin bị phá bỏ ( 11.1989), Liên Xô-Mĩ chấm dứt chiến tranh lạnh (12.1989), nước Đức tái thống nhất ( 10.1990). Tình trạng đối đầu chấm dứt

**2. Sau chiến tranh lạnh**

*Tây Âu* có sự điều chỉnh quan trọng: mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á, Phi, Mĩ Latinh, Đông Âu ...

**IV.Liên minh châu Âu (EU)**

**a.Quá trình thành lập**

* 4-1951: sáu nước Tây Âu (Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Lucxămbua) thành lập ***Cộng đồng than- thép Châu Âu.***
* 3-1957: thành lập *Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu* và ***Cộng đồng kinh tế châu Âu***.
* 1967:hợp nhất ba tổ chức trên thành ***Cộng đồng châu Âu*** (EC).
* 12-1991: hiệp ước Maxtrích đổi tên EC thành ***Liên mình châu Âu*** (EU) với 15 thành viên.
* Đến năm 2007 EU có 27 thành viên

**b Mục đích**

Nhằm tăng cường liên minh hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị đối ngọai và an ninh chung .

**c. Họat động**

* Tháng 6-1979 bầu cử nghị viện đầu tiên ở châu Âu
* Tháng 3.1995 bảy nước liên minh châu Âu bỏ sự kiểm sóat đi lại của công dân các nước qua biên giới của nhau.
* 1.1999 đồng tiền chung châu Âu ( EURO) được phát hành, tháng 1.2002 chính thức được sử dụng.
* Cuối thập niên 90 EU chiếm hơn ¼ GDP của thế giới là tổ chức liên kết kinh tế-chính trị lớn nhất thế giới.
* 10-1990, quan hệ EU và Việt Nam được thiết lập.

**C. Bài tập:**

**1. Bài tập có hướng dẫn:**

**Bài tập minh họa**

**Câu 1.** Vì sao nói:Tây Âu là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới nửa sau thế kỉ XX?

Tham khảo SGK trang 47-49-50

**Câu 2.** Hãy nêu những sự kiện chính trong quá trình hình tah2nh và phát triển của Liên minh châu Âu ( EU)

Tham khảo SGK trang 50- 51- 52

**2. Bài tập tự luyện:**

Câu 1: Từ năm 1945 đến 1950, các nước tư bản Tây Âu dựa vào đâu để đạt được sự phục hồi cơ bản về mọi mặt?

A. Hợp tác thành công với Nhật.

B. Mở rộng quan hệ với Liên Xô.

C. Viện trợ của Mĩ qua kế hoạch Macsan.

D. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa đến các nước thứ 3.

Câu 2: Đến đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, Tây Âu đã đạt được thành tựu gì quan trọng về kinh tế?

A. Trở thành khối kinh tế đứng thứ hai thế giới

B. Trở thành một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính của thế giới

C. Trở thành trung tâm kinh tế đứng đầu khối tư bản chủ nghĩa

D. Trở thành trung tâm công nghiệp - quốc phòng lớn nhất thế giới

Câu 3: Từ năm 1973 - 1991, kinh tế của các nước tư bản Tây Âu

A. Lâm vào khủng hoảng, suy thoái, phát triển không ổn định.

B. Phát triển ổn định và đạt mức tăng trưởng cao.

C. Phát triển không đồng đều do sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa.

D. Vươn lên hàng thứ hai thế giới.

Câu 7: Điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu giai đoạn 1945-1950 là

A. Mở rộng hợp tác với Nhật Bản và Hàn Quốc

B. Liên kết chống lại các nước Đông Âu

C. Liên minh với CHLB Đức

D. Liên minh chặt chẽ với Mĩ

Câu 3: Những quốc gia nào sáng lập “Cộng đồng than - thép châu Âu” năm 1951?

A. Pháp- Anh- CHLB Đức- Bỉ- Italia- Hà Lan

B. Pháp- Anh- CHLB Đức- Bồ Đào Nha- Italia- Hà Lan

C. Pháp- Lúcxămbua- CHLB Đức- Bỉ- Italia- Hà Lan

D. Anh- CHLB Đức- Bỉ- Italia- Hà Lan- Hi Lạp

**D. Nội dung chuẩn bị:**

HS đọc kĩ sách giáo khoa bài **9.** Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh

Đọc kĩ sách giáo khoa bài 5, 6, 7, 8 chuẩn bị kiểm tra giữa kì

**E. Đáp án bài tập tự luyện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **Đáp án** | **C** | **B** | **A** | **D** | **C** |

**Hết**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN** |  |
| BỘ MÔN: LỊCH SỬ KHỐI LỚP: 12TUẦN: 5 /HK1 (từ 4 / 10 đến 9 / 10 /2021) Tiết 2 |  |
| **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC** |

**BÀI 8**

**NHẬT BẢN**

**A. Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

**I. Nhật Bản từ 1945 – 1952**

Đọc sách giáo khoa mục I, bài 8, trang 52- 53

**II. Kinh tế khoa học kĩ thuật Nhật Bản 1952-2000**

 **1. Kinh tế khoa học kĩ thuật Nhật Bản 1952-1973**

Đọc sách giáo khoa mục II, bài 8, trang 54- 55

**2. Kinh tế khoa học kĩ thuật Nhật Bản từ 1973 -2000**

Đọc sách giáo khoa mục III, IV bài 8, trang 56- 57

**III. Chính trị xã hội** ( Nội dung giảm tải, học sinh tự học)

**IV. Chính sách đối ngoại**

**1. Trong chiến tranh lạnh**

Đọc sách giáo khoa mục I, II, III, bài 8, trang 53- 55- 56

**2. Sau chiến tranh lạnh**

Đọc sách giáo khoa mục IV, bài 8, trang 57

**B. Kiến thức cần ghi nhớ:**

**I. Nhật Bản từ 1945 – 1952**

Trong thời gain chiếm đóng, Bộ chỉ huy tối cao Đồng minh tiến hành cải cách về chính trị, kinh tế:

* Hiến Pháp mới được công bố 1947 qui định Thiên Hoàng chỉ là tượng trung,. Quốc hội có quyền lập pháp, chính phủ có quyền hành pháp.
* Thực hiện 3 cuộc cải cách dân chủ: Thủ chiêu chế độ tập trung kinh tế ; Cải cách ruộng đất; Dân chủ hoá lao động

**II. Kinh tế khoa học kĩ thuật Nhật Bản 1952-2000**

  **1. Kinh tế khoa học kĩ thuật Nhật Bản 1952-1973**

* Từ 1952 đến năm 1973, kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao liên tục, nhiều năm đạt tới hai con số (1960 - 1969 là 10,8%)
* Đến năm 1968, kinh tế Nhật đứng thứ 2 thế giới sau Mĩ, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
* Nhật Bản rất coi trọng giáo dục và khoa học - kĩ thuật với việc tập trung vào lĩnh vực sản xuất dân dụng

**\* Nguyên nhân**

* Con người được xem là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.
* Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.
* Các công ty Nhật Bản năng động,có tầm nhìn xa,quản lý tốt
* Áp dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại
* Chi phí quốc phòng thấp
* Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài: viện trợ của Mĩ, các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên, Việt Nam.

**2. Kinh tế khoa học kĩ thuật Nhật Bản từ 1973 -2000**

 **\* 1973- 1991**

* Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng kinh tế Nhật suy thoái. Tuy nhiên kinh Nhật vẫn đứng thứ hai trong thế giới tư bản ( sau Mĩ)
* Từ nửa sau những năm 80, Nhật trở thành siêu cường tài chính số một thế giới , là chủ nợ lớn nhất thế giới

 **\* 1991 – 2000**

* Thập niên 90 Nhật vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới
* GDP của Nhật năm 2000 là 4746 tỉ USD, chiếm 1/10 trong nền sản xuất thế giới.
* Khoa học kĩ thuật phát triển cao

**III. Chính trị xã hội** ( Nội dung giảm tải, học sinh tự học)

**IV. Chính sách đối ngoại**

**1. Trong chiến tranh lạnh**

* Nhật chủ trương liên minh chặc chẽ với Mĩ bằng việc kí hai hiệp ước: *Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô và Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật* (9 – 1951) có thời hạn 10 năm sau đó được kéo dài vĩnh viễn.
* 1956 Nhật bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc
* Thập niên 70 Nhật đưa ra chính sách đối ngoại mới: tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội với các nước ĐNÁ và tổ chức ASEAN
* Nhật thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 9.1973

**2. Sau chiến tranh lạnh**

* Nhật Bản chú trọng quan hệ với Tây Âu, đồng thời mở rộng quan hệ đối ngoại trên phạm vi toàn cầu
* Ngày nay, Nhật Bản cố gắng trở thành một cường quốc chính trị để tương xứng với sức mạnh kinh tế

**C. Bài tập:**

**1. Bài tập có hướng dẫn:**

**Bài tập minh họa**

**Câu 1.** Những yếu tố nào khiến Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới nửa sau thế kỉ XX?

Tham khảo SGK trang 55

**Câu 2.** Khái quát chình sách đối ngoại của Nhật Bản từ sau CTTG II đến năm 2000.

Tham khảo SGK trang 53-55- 56- 57

**2. Bài tập tự luyện:**

Câu 1: Để đẩy nhanh sự phát triển “thần kì” Nhật Bản rất coi trọng yếu tố nào dưới đây?

A. Đầu tư ra nước ngoài.

B. Mua các bằng phát minh, sáng chế.

C. Giáo dục và khoa học - kĩ thuật.

D. Thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

Câu 2: Từ đầu những năm 90, Nhật Bản nỗ lực ra sao để tương ứng với vị trí siêu cường kinh tế?

A. Nỗ lực trở thành một cường quốc chính trị

B. Vươn lên trở thành một cường quốc quân sự

C. Vận động trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo An Liên hợp quốc

D. Đẩy mạnh chính sách ngoại giao và viện trợ cho các nước

Câu 3: Từ năm 1960 đến năm 1973, nền kinh tế Nhật Bản có đặc điểm gì?

A. Phát triển nhanh

B. Phát triển “thần kì”

C. Phát triển không ổn định

D. Khủng hoảng

Câu 4: Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX trở đi, Nhật Bản là

A. Siêu cường tài chính số một thế giới.

B. Trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

C. Một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

D. Nước chiếm hơn 50% tỷ trọng cộng nghiệp của thế giới.

Câu 5: Khoa học- kĩ thuật và công nghệ Nhật Bản trong giai đoạn 1952 – 1973 chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nào?

A. Công nghiệp quốc phòng

B. Công nghiệp phần mềm

C. Sản xuất ứng dụng dân dụng

D. Năng lượng tái tạo

**D. Nội dung chuẩn bị:**

HS đọc kĩ sách giáo khoa bài **9.** Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh

Đọc kĩ sách giáo khoa bài 5, 6, 7, 8 chuẩn bị kiểm tra giữa kì

**E. Đáp án bài tập tự luyện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **B** | **C** | **C** |

**Hết**